TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **610**/2022/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 01 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 638/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: **Bà Mã Thị D**, sinh năm: 1990;

Nơi cư trú: F2/20C tổ 6 ấp 6, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Ông Lê Hữu T**, sinh năm: 1984;

Nơi cư trú: E19/6V1 ấp 5, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mã Thị D và ông Lê Hữu T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ vợ chồng: Bà Mã Thị D và ông Lê Hữu T thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 93/KH/2009, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cấp vào ngày 20/8/2009 không còn giá trị pháp lý.

2.2 Về con chung: Bà Mã Thị D và ông Lê Hữu T có với nhau có 02 con chung tên là Lê Hoàng T (nam) sinh ngày 03/7/2012 và Lê Ngọc Thủy T (nữ) sinh ngày 24/5/2010.

Khi ly hôn, giao 02 (hai) con chung tên là Lê Hoàng T (nam) sinh ngày 03/7/2012 và Lê Ngọc Thủy T (nữ) sinh ngày 24/5/2010 là cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con chung đối với bà D cho đến khi ông T có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con sau này.

2.3 Về tài sản chung: Bà Mã Thị D và ông Lê Hữu T khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà Mã Thị D và ông Lê Hữu T đều xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.5 Về án phí: Bà Mã Thị D tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0041265 ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Mã Thị D được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Chi cục THSDS H. Bình Chánh (1);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Sơn